

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT VẬN TẢI NHẬT  
NGUYỄN**

**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT VẬN TẢI NHẬT NGUYỄN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH DV TM SX VT NHẬT NGUYỄN

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703268870

**3. Ngày thành lập:** 03/12/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thửa đất số 430, Tờ bản đồ số 16, Ấp Gò Mối, Xã Thanh Tuyền, Huyện Dầu Tiếng, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0971232826

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng, bê tông tươi                                                                                                                                | 4663(Chính) |
| 2.  | Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm                                                                                                                                                                                                          | 0131        |
| 3.  | Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm                                                                                                                                                                                                           | 0132        |
| 4.  | Vận tải đường ống                                                                                                                                                                                                                            | 4940        |
| 5.  | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương                                                                                                                                                                                                      | 5012        |
| 6.  | Vận tải hành khách đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                        | 5021        |
| 7.  | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                          | 5022        |
| 8.  | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                             | 5224        |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Đại lý vận tải biển                                                                                                                             | 5229        |
| 10. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Bán buôn dầu nhớt, gas, gas lạnh                                                                                                                                   | 4661        |
| 11. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép                                                                                                                                                                          | 4662        |
| 12. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh, bao bì giấy, nhựa, thùng carton, nhựa đường<br>- Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại<br>- Bán buôn phân bón, hóa chất | 4669        |
| 13. | Xuất bản phần mềm<br>Chi tiết: Sản xuất phần mềm                                                                                                                                                                                             | 5820        |
| 14. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                   | 3312        |

|     |                                                                                                  |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 15. | Thu gom rác thải không độc hại                                                                   | 3811 |
| 16. | Xây dựng nhà để ở                                                                                | 4101 |
| 17. | Xây dựng nhà không để ở                                                                          | 4102 |
| 18. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                    | 4211 |
| 19. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                     | 4212 |
| 20. | Xây dựng công trình điện                                                                         | 4221 |
| 21. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                              | 4222 |
| 22. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                               | 4223 |
| 23. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                | 4229 |
| 24. | Xây dựng công trình thủy                                                                         | 4291 |
| 25. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                  | 4292 |
| 26. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                            | 4293 |
| 27. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                       | 4299 |
| 28. | Phá dỡ                                                                                           | 4311 |
| 29. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                | 4312 |
| 30. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                            | 4321 |
| 31. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                            | 4322 |
| 32. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                   | 4329 |
| 33. | Hoàn thiện công trình xây dựng<br>Chi tiết: Hoàn thiện công trình xây dựng và trang trí nội thất | 4330 |
| 34. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                              | 4390 |
| 35. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                              | 4511 |
| 36. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                   | 4520 |
| 37. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                               | 4530 |
| 38. | Bán mô tô, xe máy                                                                                | 4541 |
| 39. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Môi giới                                         | 4610 |
| 40. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                           | 4620 |
| 41. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                   | 4631 |
| 42. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn cà phê bột, thủy hải sản                                | 4632 |
| 43. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                             | 4641 |
| 44. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                               | 4649 |
| 45. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                              | 4651 |
| 46. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                               | 4652 |
| 47. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                           | 4653 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 48. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc và các dụng cụ phục vụ nông nghiệp                                                                                                                | 4659 |
| 49. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ, tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác), đồng hồ, mắt kính trong các cửa hàng chuyên doanh | 4773 |
| 50. | Vận tải hàng hóa đường sắt                                                                                                                                                                                                      | 4912 |
| 51. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                             | 4931 |
| 52. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                | 4932 |
| 53. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                  | 4933 |
| 54. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: Tổ chức sự kiện và xúc tiến thương mại                                                                                                                                   | 8230 |
| 55. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                       | 9511 |
| 56. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                        | 7020 |
| 57. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                       | 7310 |
| 58. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                          | 7710 |
| 59. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị dùng trong vận tải đường thủy, bộ                                   | 7730 |
| 60. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                  | 7911 |
| 61. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                           | 7912 |
| 62. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                             | 7990 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN MINH NHẬT

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 25/03/1998

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 074098000713

Ngày cấp: 19/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Ấp Chợ, Xã Thanh Tuyên, Huyện Dầu Tiếng, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Ấp Chợ, Xã Thanh Tuyên, Huyện Dầu Tiếng, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN MINH NHẬT

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/03/1998

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 074098000713

Ngày cấp: 19/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Ấp Chợ, Xã Thanh Tuyền, Huyện Dầu Tiếng, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Ấp Chợ, Xã Thanh Tuyền, Huyện Dầu Tiếng, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương